

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
KHOA NÔNG NGHIỆP
BỘ MÔN SINH LÝ-SINH HÓA**



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

NGÀNH CÔNG NGHỆ RAU HOA QUẢ VÀ CẢNH QUAN (46)

Cần Thơ, tháng 12 năm 2020

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH CÔNG NGHỆ RAU HOA QUẢ VÀ CẢNH QUAN

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 1063-ĐHCT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình đào tạo ngành Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan chuyên ngành được mô tả như sau:

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan
Tên chương trình (tiếng Anh)	Horticulture and Landscape Design
Mã số ngành đào tạo	7620113
Trường cấp bằng	Trường Đại học Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Bằng Kỹ sư
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	150 tín chỉ
Hình thức đào tạo	Chính quy, giáo dục thường xuyên
Thời gian đào tạo	4,5 năm
Đối tượng tuyển sinh	Người có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá	Thang điểm 4
Điều kiện tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none">- Tích lũy đủ các học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4);- Hoàn thành các học phần điều kiện. Ngoài ra, điểm trung bình chung các học phần Giáo dục quốc phòng và An ninh phải đạt từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10);- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm học cuối.
Vị trí việc làm	Sau khi tốt nghiệp người học có thể làm việc tại: <ul style="list-style-type: none">- Công ty sản xuất giống cây trồng, dịch vụ khoa học nông nghiệp.- Các cơ quan ban ngành, ban quản lý các công trình cảnh quan.- Có khả năng mở công ty tư nhân phục vụ cảnh quan.

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	- Sinh viên sau khi tốt nghiệp, có thể nâng cao trình độ với ngành khoa học cây trồng. - Có thể học cao học ngành Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan trong và ngoài nước.
Tham khảo khi xây dựng chương trình đào tạo	- Horticulture and Landscape Architecture, College of Agricultural Sciences at Colorado State University - Trường đại học Nông Lâm TP. HCM, ngành Cảnh quan và nghệ thuật hoa viên - Trường đại học Nông Lâm Huế, ngành Công nghệ rau hoa quả & cảnh quan
Thông tin về đánh giá, kiểm định chương trình đào tạo	- Trường Đại học Cần Thơ đã được chứng nhận đạt chất lượng cơ sở giáo dục giai đoạn 2018 – 2023. - Chương trình đào tạo ngành Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan đã được Chứng nhận đánh giá nội bộ của Trường Đại học Cần Thơ năm 2019
Thời gian cập nhật bản mô tả	Tháng 12 năm 2020

2. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của chương trình đào tạo ngành Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan là đào tạo kỹ sư có đạo đức tác phong chuẩn mực, có khả năng giao tiếp theo thời đại ứng dụng công nghệ cao. Kỹ sư có kiến thức tốt về lãnh vực cây tạo cảnh quan trong khu nhà ở, đô thị, công viên, khu nghỉ dưỡng, khu du lịch. Có khả năng sử dụng thành thạo các phần mềm thiết kế cảnh quan. Sau khi tốt nghiệp sinh viên sẽ làm việc tại các công ty sản xuất giống cây trồng, dịch vụ khoa học nông nghiệp.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo:

- Hướng dẫn sinh viên lối sống, đạo đức, nhân cách trong kỷ nguyên công nghệ cao.
- Trang bị cho sinh viên có kiến thức cơ sở về nguyên tắc ứng xử, giao tiếp.
- Hướng dẫn sinh viên sử dụng thông thạo được các phần mềm ứng dụng trong thiết kế cảnh quan như Photoshop, AutoCAD, Sketchup.
- Trang bị cho sinh viên kiến thức về thiết kế, bảo dưỡng cảnh quan, phương pháp nhân giống cây trồng, kỹ thuật trồng hoa kiểng, chọn giống, bảo vệ thực vật, bảo quản hoa quả sau thu hoạch.
- Trang bị cho sinh viên về kiến thức tổ chức sản xuất, kinh doanh, điều hành và quản lý các dự án thuộc lĩnh vực công nghệ rau hoa quả và cảnh quan.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Hoàn thành chương trình đào tạo ngành Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan người học đạt được kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

3.1. Kiến thức

3.1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

- Rèn luyện tác phong sống và làm việc của người lính.
- Có thể lực dồi dào, sống lành mạnh.

- c. Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về tiếng Anh hoặc tiếng Pháp tương đương trình độ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B1 theo khung tham chiếu Châu Âu).
- d. Học được tinh thần tự vươn lên, sẵn sàng khởi nghiệp.

3.1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành

- a. Nâng cao các kiến thức của khoa học tự nhiên gắn liền với ngành học.
- b. Hiểu và áp dụng kiến thức này vào chuyên ngành.
- c. Sử dụng những kiến thức này làm cơ sở để học những ngành khác.

3.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành

- a. Nắm vững kiến thức về bảo dưỡng cảnh quan, kỹ thuật trồng hoa và cây cảnh.
- b. Sử dụng thông thạo các phần mềm trong thiết kế cảnh quan.
- c. Ứng dụng các phương pháp nhân giống vô tính truyền thống và phương pháp nuôi cấy mô hiện đại.
- d. Phát huy kiến thức về kéo dài tuổi thọ của các loại hoa, quả trong thực tế sản xuất.
- đ. Tiếp cận được những vấn đề khó khăn trong sản xuất và từ đó đề ra cách giải quyết.
- e. Điều hành, quản lý các dự án thuộc lĩnh vực công nghệ rau, hoa, quả và cảnh quan.

3.2. Kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng cứng

- a. Quản lý được vườn ươm về nhân giống vô tính, hữu tính và sâu bệnh liên quan đến cây con.
- b. Đo đạc và vẽ thiết kế, bố trí cây cảnh trên khu đất, biệt thự, khu dân cư, khu công nghiệp, trục giao thông, công viên, khu nghỉ dưỡng theo yêu cầu xã hội.
- c. Áp dụng được các kỹ thuật trồng hoa và cây cảnh, bảo quản rau hoa quả sau thu hoạch vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh.

3.2.2. Kỹ năng mềm

- a. Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các lĩnh vực về rau hoa quả và cảnh quan.
- b. Tự học, tự nghiên cứu và tiếp thu các thành tựu khoa học kỹ thuật mới nhằm tự nâng cao trình độ và thích nghi với sự phát triển của xã hội.
- c. Hòa nhập tốt trong cộng đồng hoặc nhóm nhỏ.
- d. Giao tiếp thông dụng bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp. Đọc và hiểu các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp.
- e. Sử dụng thông thạo các phần mềm văn phòng cơ bản như Word, Excel, Power-point.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- a. Trung thực.
- b. Nhiệt tình trong công tác.
- c. Tận tụy trong công việc.
- d. Nhẫn nại không ngại khó khăn.
- đ. Năng động và sáng tạo.
- e. Có tác phong công nghiệp.
- f. Có ý thức bảo vệ môi trường và cảnh quan thiên nhiên.

4. Tiêu chí tuyển sinh

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Cần Thơ.

5. Ma trận mối quan hệ mục tiêu, chuẩn đầu ra và học phần

5.1. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo (1)	Chuẩn đầu ra (3)																												
	Kiến thức (3.1)												Kỹ năng (3.2)									Năng lực tự chủ và trách nhiệm (3.3)							
	Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)				Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)					Kỹ năng cứng (3.2.1)			Kỹ năng mềm (3.2.2)													
	a	b	c	d	a	b	c	a	b	c	d	đ	e	a	b	c	a	b	c	d	đ	e	a	b	c	d	đ	e	f
1.2a	x			x													x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	x	x
1.2b	x			x													x		x				x	x	x	x	x	x	x
1.2c														x															
1.2d					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x											
1.2e					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x											

5.2. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Học phần			Chuẩn đầu ra (3)																							Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (2.3)								
			Kiến thức (3.1)												Kỹ năng (2.2)																			
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)					Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)				Kỹ năng cứng (3.2.1)					Kỹ năng mềm (2.2.2)														
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c	d	...	a	b	c			a	b	c	d	e	a	b	c	d	...	a	b	c	d	e	a	b	c	d	g		
Khối kiến thức Giáo dục đại cương																																		
1	QP010	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	x	x		x																					x			x	x	x	x	
2	QP011	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	x	x		x																					x			x	x	x	x	
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	x	x		x																					x			x	x	x	x	
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	x	x		x																					x			x	x	x	x	
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	x	x		x																					x			x	x	x	x	
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)				x																					x	x			x			x
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)				x																					x	x			x			x
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)				x																					x	x			x			x
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)				x																					x	x			x			x
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)				x																					x	x			x			x
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)				x																					x	x			x			x
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)				x																					x	x			x			x
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)				x																					x	x			x			x

Học phần			Chuẩn đầu ra (3)																									Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (2.3)														
			Kiến thức (3.1)															Kỹ năng (2.2)																								
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)					Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)					Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)					Kỹ năng cứng (3.2.1)					Kỹ năng mềm (2.2.2)																			
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c	d	...	a	b	c			a	b	c	d	e	a	b	c	d	...	a	b	c	d	e	a	b	c	d	g										
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)			x					x																						x			x							
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)			x					x																						x			x							
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)			x					x																						x			x							
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)			x					x																						x			x							
18	TN033	Tin học căn bản (*)								x																							x			x						
19	TN034	TT.Tin học căn bản (*)								x																							x			x						
20	ML014	Triết học Mác - Lênin							x	x	x																															
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin							x	x	x																															
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học							x	x	x																															
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam							x	x	x																															
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh							x	x	x																															
25	KL001	Pháp luật đại cương							x	x	x																								x							
26	ML007	Logic học đại cương							x	x	x																															
27	XH028	Xã hội học đại cương							x	x	x																															
28	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam							x	x	x																															
29	XH012	Tiếng Việt thực hành							x	x	x																															
30	XH014	Văn bản và lưu trữ đại cương							x	x	x																															
31	KN001	Kỹ năng mềm					x		x	x	x																									x	x	x	x	X		
32	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp					x		x	x	x																											x	x	x	x	X
33	TN059	Toán cao cấp B							x	x	x																															
34	TN042	Sinh học đại cương							x	x	x																															
35	TN043	TT. Sinh học đại cương							x	x	x																															
36	TN019	Hóa học đại cương							x	x	x																															
37	TN020	TT. Hóa học đại cương							x	x	x																															
Khối kiến thức cơ sở ngành																																										
38	NN123	Sinh hóa B							x	x	x																															
39	NN124	TT. Sinh hóa							x	x	x																															
40	NN128	Sinh lý thực vật A							x	x	x																															
41	NN130	TT. Sinh lý thực vật							x	x	x																															
42	NN126	Di truyền học đại cương							x	x	x																															
43	NN127	TT. Di truyền học đại cương							x	x	x																															
44	SP169	Phân loại thực vật B							x	x	x																															
45	NN131	Thỏ nhưỡng B							x	x	x																															
46	NN438	Côn trùng – HV&CC							x	x	x																															

Học phần			Chuẩn đầu ra (3)															Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (2.3)																				
			Kiến thức (3.1)					Kỹ năng (2.2)																														
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)					Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)					Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)										Kỹ năng cứng (3.2.1)					Kỹ năng mềm (2.2.2)										
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c	d	...	a	b	c			a	b	c	d	e	a	b	c	d	...	a	b	c	d	e	a	b	c	d	g						
47	NN439	Bệnh cây – HV&CC						x	x	x			x				X	x																				
48	NN518	Kỹ thuật trồng hoa và cây cảnh						x	x	x			x	x			X	x		x																		
49	NN111	Phương pháp nghiên cứu khoa học – Nông nghiệp						x	x	x																												
50	KT005	Quản trị doanh nghiệp đại cương						x	x	x			x		x																							
51	NN169	Xác suất thông kê và phép thí nghiệm- TT&NH						x	x	x																												
52	NN142	Ảnh văn chuyên môn - HV&CC			x			x	x	x																												
53	XH019	Pháp văn chuyên môn KH&CN			x			x	x	x																												
54	NN529	Phì nhiều đất B						x	x	x																												
55	NN442	Sinh học phân tử cây trồng						x	x	x																												
56	NS201	Chất điều hòa sinh trưởng thực vật						x	x	x							x																					
57	TN340	Nuôi cây mô thực vật						x	x	x																												
58	NN143	Hóa bảo vệ thực vật B						x	x	x																										x		
59	NN444	Cỏ dại và cách phòng trừ						x	x	x																												
60	CS111	Vi sinh học đại cương B						x	x	x																												
61	NN516	Sinh thái cảnh quan – HV&CC						x	x	x																												
62	NS122	Sinh lý cây trồng trong điều kiện bất lợi						x	x	x																												
63	XH415	Du lịch sinh thái						x	x	x																												
64	CN004	Khí tượng thủy văn						x	x	x																												
65	NN515	Mỹ học ứng dụng						x	x	x																												
khối kiến thức chuyên ngành																																						
66	NN175	Trắc địa đại cương						x	x	x																												
67	NS447	Đồ họa ứng dụng trong thiết kế cảnh quan			x			x	x	x																												
68	NN521	Phong thủy						x	x	x																												
69	NN446	Kiến trúc phong cảnh						x	x	x																												
70	NN453	Nghệ thuật hoa viên						x	x	x																												
71	NS258	Kỹ thuật sản xuất cây ăn trái và rau sạch						x	x	x																												
72	NS384	Công nghệ sau thu hoạch rau hoa quả						x	x	x																												
73	NN452	Cỏ và cây xanh đô thị						x	x	x																												
74	NN448	QH, TK & BD cảnh quan đô thị						x	x	x																												
75	NS367	KT. Nhân giống cây cảnh và quản lý vườn ươm						x	x	x																												
76	NS368	TT. Nhân giống cây cảnh & quản lý vườn ươm						x	x	x																												
77	NN565	Thực tập cơ sở - RHQ&CQ						x	x	x																												
78	NN566	Thực tập giáo trình - RHQ&CQ						x	x	x																												
79	NN447	Thiết bị và công cụ làm vườn						x	x	x																												

Học phần			Chuẩn đầu ra (3)															Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (2.3)																
			Kiến thức (3.1)					Kỹ năng (2.2)																										
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)					Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)					Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)										Kỹ năng cứng (3.2.1)					Kỹ năng mềm (2.2.2)						
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c	d	...	a	b	c			a	b	c	d	e	a	b	c	d	...	a	b	c	d	e	a	b	c	d	g		
80	NN522	Dinh dưỡng hoa và cây cảnh						x	x	x			x							x														
81	NN450	Hệ thống tưới tiêu						x	x	x								x	x	x				x	x									
82	NN451	Phương pháp thủy canh						x	x	x								x		x				x	x									
83	NN473	Quản lý dịch hại rau hoa quả						x	x	x			x					x		x														
84	NN567	Kỹ thuật cắm hoa và trình bày mâm trái cây						x	x	x			x						x															
85	TS310	Kỹ thuật nuôi cá cảnh và thủy đặc sản						x	x	x										x														
86	NN193	Kỹ thuật Bonsai						x	x	x			x						x	x														
87	KT360	Quản trị sản xuất						x	x	x						X																		
88	NS369	Kỹ thuật trồng hoa lan						x	x	x			x					x	x															
89	NN460	Kỹ thuật trang trí nội thất						x	x	x									x	x														
90	NS509	Luận văn tốt nghiệp – RHQ&CQ						x	x	x			x	x	x	x	X	x	x	x								x	x					
91	NS433	Tiểu luận tốt nghiệp - RHQ&CQ						x	x	x			x	x	x	x	X	x	x	x								x	x					
92	NN378	IPM trong bảo vệ thực vật						x	x	x								x		x													x	
93	NN390	Thực hành nông nghiệp tốt (GAP)						x	x	x										x														x
94	NN245	Hệ thống thông tin địa lý - GIS						x	x	x				x					x															
95	NN381	Nấm ăn						x	x	x																								
96	NN514	Sản xuất cây trồng sạch						x	x	x										x														
97	NS298	Xử lý ra hoa cây cảnh						x	x	x			x							x														
98	MT308	Quản lý và đánh giá tác động môi trường						x	x	x																								x

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Căn cứ Quyết định số 1063-ĐHCT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình dạy học ngành Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan được mô tả như sau:

1. Cấu trúc chương trình dạy học

Khối lượng kiến thức toàn khóa	: 150 tín chỉ
Khối kiến thức giáo dục đại cương	: 49 tín chỉ (Bắt buộc: 34 tín chỉ; Tự chọn: 15 tín chỉ)
Khối kiến thức cơ sở ngành	: 44 tín chỉ (Bắt buộc: 28 tín chỉ; Tự chọn: 16 tín chỉ)
Khối kiến thức chuyên ngành	: 57 tín chỉ (Bắt buộc: 27 tín chỉ; Tự chọn: 30 tín chỉ)

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện			
Khối kiến thức Giáo dục đại cương													
1	QP010	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bố trí theo nhóm ngành					
2	QP011	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bố trí theo nhóm ngành					
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16	Bố trí theo nhóm ngành					
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56	Bố trí theo nhóm ngành					
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90			I,II,III			
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	AV	10TC nhóm AV hoặc nhóm PV	60				I,II,III			
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023			I,II,III		
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024			I,II,III		
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025			I,II,III		
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031			I,II,III		
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032			I,II,III		
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			PV	60 hoặc nhóm PV	60				I,II,III	
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3					45		FL001			I,II,III
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3					45		FL002			I,II,III
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4					60		FL003			I,II,III
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3					45		FL007			I,II,III
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3	45				FL008			I,II,III		
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15				I,II,III			
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		TN033	I,II,III			
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				I,II,III			
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		I,II,III			
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		I,II,III			
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		I,II,III			
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		I,II,III			
25	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30				I,II,III			
26	ML007	Logic học đại cương	2			30				I,II,III			
27	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				I,II,III			
28	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30				I,II,III			
29	XH012	Tiếng Việt thực hành	2		2	30				I,II,III			
30	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30				I,II,III			
31	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20			I,II,III			
32	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			I,II,III			
33	TN059	Toán cao cấp B	3	3		45				I,II,III			
34	TN042	Sinh học đại cương	2	2		30				I,II,III			
35	TN043	TT. Sinh học đại cương	1	1			30			I,II,III			
36	TN019	Hóa học đại cương	3	3		45				I,II,III			
37	TN020	TT. Hóa học đại cương	1	1			30		TN019	I,II,III			
Cộng: 49 TC (Bắt buộc 34 TC; Tự chọn: 15 TC)													

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện	
Khối kiến thức cơ sở ngành											
38	NN123	Sinh hóa B	2	2		30				I,II	
39	NN124	TT. Sinh hóa	1	1			30	NN123	NN123	I,II	
40	NN128	Sinh lý thực vật A	3	3		45				I,II	
41	NN130	TT. Sinh lý thực vật	1	1			30	NN128	NN128	I,II	
42	NN126	Di truyền học đại cương	2	2		30				I,II	
43	NN127	TT. Di truyền học đại cương	1	1			30	NN126	NN126	I,II	
44	NN529	Phì nhiều đất B	2		14	20	20			I,II	
45	NN442	Sinh học phân tử cây trồng	2			30					I,II
46	CS343	Chất điều hòa sinh trưởng thực vật	2			30					I,II
47	TN340	Nuôi cấy mô thực vật	2			20	20				I,II
48	NN143	Hóa bảo vệ thực vật B	2			20	20				I,II
49	NN444	Cỏ dại và cách phòng trừ	2			20	20				I,II
50	CS111	Vì sinh học đại cương B	2			20	20				I,II
51	NN516	Sinh thái cảnh quan - HV & CC	1			15					I,II
52	NS122	Sinh lý cây trồng trong điều kiện bất lợi	2			20	20				I,II
53	XH415	Du lịch sinh thái	2			30					I,II
54	CN004	Khí tượng thủy văn	2			20	20				I,II
55	NN515	Mỹ học ứng dụng	2			30					I,II
56	SP169	Phân loại thực vật B	2	2		20	20				I,II
57	NN131	Thổ nhưỡng B	2	2		20	20				I,II
58	NN438	Côn trùng - HV và CC	2	2	20	20				I,II	
59	NN439	Bệnh cây - HV và CC	2	2	20	20				I,II	
60	NN518	Kỹ thuật trồng hoa và cây cảnh	3	3	30	30				I,II	
61	NN111	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Nông nghiệp	2	2	15	30				I,II	
62	KT005	Quản trị doanh nghiệp đại cương	2	2	30					I,II	
63	NN169	Xác suất thống kê và phép thí nghiệm - TT&NH	3	3	30	30	TN059			I,II	
64	NN142	Anh văn chuyên môn hoa viên và cây cảnh	2		2	30		XH025		I,II	
65	XH019	Pháp văn chuyên môn - KH&CN	2			30		FL003		I,II	
Cộng: 44 TC (Bắt buộc 28 TC; Tự chọn: 16 TC)											
Khối kiến thức chuyên ngành											
66	NN175	Trắc địa đại cương	2	2		15	30			I,II	
67	NS447	Đồ họa ứng dụng trong thiết kế cảnh quan	3	3		30	30			I,II	
68	NN521	Phong thủy	2	2		20	20			I,II	
69	NN446	Kiến trúc phong cảnh	2	2		20	20			I,II	
70	NN453	Nghệ thuật hoa viên	2	2		20	20			I,II	
71	NS258	Kỹ thuật sản xuất cây ăn trái và rau sạch	3	3		30	30			I,II	
72	NS384	Công nghệ sau thu hoạch rau hoa quả	2	2		20	20			I,II	
73	NN452	Cỏ và cây cảnh đô thị	2	2		20	20			I,II	
74	NN448	Quy hoạch, thiết kế và bảo dưỡng cảnh quan	2	2		20	20			I,II	
75	NS367	Kỹ thuật nhân giống cây xanh và quản lý vườn ươm	2	2		30				I,II	
76	NS368	TT. Nhân giống cây xanh và quản lý vườn ươm	1	1			30			I,II	
77	NN565	Thực tập cơ sở - RHQ	2	2			60			III	
78	NN566	Thực tập giáo trình - RHQ&CQ	2	2			60			II	
79	NN447	Thiết bị và công cụ làm vườn	2		16	20	20			I,II	
80	NN522	Dinh dưỡng hoa và cây cảnh	2			20	20				I,II
81	NN450	Hệ thống tưới tiêu	2			20	20				I,II
82	NS267	Phương pháp thủy canh	2			20	20				I,II
83	NN473	Quản lý dịch hại rau hoa quả	2			20	20				I,II
84	NN567	Kỹ thuật cắm hoa và trình bày mâm trái cây	2			20	20				I,II
85	TS310	Kỹ thuật nuôi cá cảnh và thủy đặc sản	2			30					I,II
86	NN193	Kỹ thuật Bonsai	2			20	20				I,II
87	KT360	Quản trị sản xuất	3			45					I,II
88	NS369	Kỹ thuật trồng hoa lan	2			20	20				I,II
89	NN460	Kỹ thuật trang trí nội thất	2		20	20				I,II	
90	NS509	Luận văn tốt nghiệp - RHQ	14		14		420	≥ 120 TC		I,II	
91	NS433	Tiểu luận tốt nghiệp - RHQ	6				180	≥ 120 TC			I,II

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
92	NN378	IPM trong bảo vệ thực vật	2			20	20		NS433	I,II
93	NN390	Thực hành nông nghiệp tốt (GAP)	2			20	20		NS433	I,II
94	NN245	Hệ thống thông tin địa lý - GIS	2			20	20		NS433	I,II
95	NN381	Nấm ăn	2			20	20		NS433	I,II
96	NN514	Sản xuất cây trồng sạch	2			20	20		NS433	I,II
97	NS298	Xử lý ra hoa cây cảnh	2			20	20		NS433	I,II
98	MT308	Quản lý và đánh giá tác động môi trường	2			30			NS433	I,II
Tổng cộng: 57 TC (Bắt buộc: 27 TC; Tự chọn: 30 TC)										
Tổng cộng: 150 TC (Bắt buộc: 89 TC; Tự chọn: 61 TC)										

3. Kế hoạch dạy học

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
Học kỳ 1									
1	ML014	Triết học Mác-Lênin	3	3		30			
2	TN042	Sinh học đại cương	2	2		30			
3	TN043	TT. Sinh học đại cương	1	1			30		
4	TN019	Hóa học đại cương	3	3		45			
5	TN020	TT. Hóa học đại cương	1	1			30	TN019	
6	TN059	Toán cao cấp B	3	3		45			
		Cộng	13	13					
Học kỳ 2									
1	QP010	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1	2	2		37	8		
2	QP011	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	2	2		22	8		
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3	2	2		14	16		
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4	2	2		4	56		
5	SP169	Phân loại thực vật B	2	2		20	20		
6	ML016	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2		30		ML014	
7	NN131	Thỏ nhưỡng B	2	2		20	20		
8	NN126	Di truyền học đại cương	2	2		30			
9	NN127	TT. Di truyền học đại cương	1	1			30	NN126	NN126
10	NN123	Sinh hóa B	2	2		30			
11	NN124	TT. Sinh hóa	1	1			30	NN123	NN123
		Cộng	20	20					
Học kỳ 3									
1	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016	
2	NN128	Sinh lý thực vật A	3	3		45			
3	NN130	TT. Sinh lý thực vật	1	1			30	NN128	
4	NN438	Côn trùng - HV và CC	2	2		20	20		
5	NN439	Bệnh cây - HV và CC	2	2		20	20		
6	TN033	Tin học căn bản	1	1		30			
7	TN034	TT. Tin học căn bản	2	2			60		
8	ML007	Logic học đại cương	2		2	30			SV tự chọn
9	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			
10	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			
11	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30			

12	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			
13	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20		
14	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20		
15	XH023	AVCB 1	4			45			SV tự chọn
16	FL001	PVCB1	4		4	45			
17	TC100	Giáo dục thể chất 1	1		1		30		
		Cộng	20	13	7				
Học kỳ 4									
1	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30			
2	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30			
3	NN175	Trắc địa đại cương	2	2		15	30		
4	NN111	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Nông nghiệp	2	2		15	30		
5	KT005	Quản trị doanh nghiệp đại cương	2	2		30			
6	NN169	Xác suất thống kê và phép thí nghiệm - TT&NH	3	3		30	30	TN059	
7	NN518	Kỹ thuật trồng hoa và cây cảnh	3	3		30	30		
8	TC100	Giáo dục thể chất 2	1		1		30		
9	XH024	AVCB 2	3					XH023	SV tự chọn
10	FL002	PVCB 2	3		3			FL001	
		Cộng	20	16	4				
Học kỳ 5									
1	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30			ML019
2	NN521	Phong thủy	2	2		20	20		
3	NN446	Kiến trúc phong cảnh	2	2		20	20		
4	NN515	Mỹ học ứng dụng	2		2	30			SV tự chọn
5	NS122	Sinh lý cây trồng trong điều kiện bất lợi	2		2	20	20		
6	NN529	Phì nhiều đất B	2		2	20	20		
7	NN143	Hóa bảo vệ thực vật B	2		2	20	20		
8	CS343	Chất điều hòa sinh trưởng TV	2		2	30			
9	XH025	AVCB 3	3					XH024	SV tự chọn
10	FL003	PVCB3	3			30		FL002	
11	TC100	Giáo dục thể chất 3	1		1		30		
		Cộng	20	6	14				
Học kỳ 6									
1	NS384	Công nghệ sau thu hoạch rau hoa quả	2	2		20	20		
2	NS447	Đồ họa ứng dụng trong thiết kế cảnh quan	3	3		30	30		
3	NN452	Cỏ và cây cảnh đô thị	2	2		20	20		
4	NN448	Quy hoạch, thiết kế và bảo dưỡng cảnh quan	2	2		20	20		
5	NN453	Nghệ thuật hoa viên	2	2		20	20		
6	NS367	KT. Nhân giống cây xanh và quản lý vườn ươm	2	2		30			
7	NS368	TT. Nhân giống cây xanh và quản lý vườn ươm	1	1			30		
8	NN193	Kỹ thuật Bonsai	2		2	20	20		
9	NN444	Cỏ đại và cách phòng trừ	2		2	20	20		SV tự chọn
10	TN340	Nuôi cấy mô thực vật	2		2	20	20		SV tự chọn

		Cộng	20	14	6					
Học kỳ hè										
1	NN565	Thực tập cơ sở - RHQ&CQ	2	2			60			
		Cộng	2	2						
Học kỳ 7										
1	NN566	Thực tập giáo trình - RHQ&CQ	2	2			60			
2	NS258	Kỹ thuật sản xuất cây ăn trái và rau sạch	3	3			30	30		
3	NS369	Kỹ thuật trồng hoa lan	2		2	20	20		SV tự chọn	
4	NN460	Kỹ thuật trang trí nội thất	2		2	20	20			
5	NN567	Kỹ thuật cắm hoa và trình bày mâm trái cây	2		2	20	20			
6	NS267	Phương pháp thủy canh	2		2	20	20			
7	NN447	Thiết bị và công cụ làm vườn	2		2	20	20			
8	NN450	Hệ thống tưới tiêu	2		2	20	20			
9	NN142	Anh văn chuyên môn hoa viên và cây cảnh	2		2				SV tự chọn	
10	XH019	Pháp văn chuyên môn KH-CN	2							
		Cộng	19	5	14					
Học kỳ 8										
1	NN552	Đinh dưỡng hoa và cây cảnh	2		14	20	20		SV tự chọn	
2	NS509	Luận văn tốt nghiệp-RHQ	14				420	≥ 120 TC	SV tự chọn	
3	NS433	Tiểu luận tốt nghiệp - RHQ	6				180	≥ 120 TC		
4	NN378	IPM trong bảo vệ thực vật	2				20	20		NS433
5	NN390	Thực hành nông nghiệp tốt (GAP)	2				20	20		NS433
6	NN245	Hệ thống thông tin địa lý - GIS	2				20	20		NS433
7	NN381	Nấm ăn	2				20	20		NS433
8	NN514	Sản xuất cây trồng sạch	2				20	20		NS433
9	NS298	Xử lý ra hoa cây cảnh	2				20	20		NS433
10	MT308	Quản lý và đánh giá tác động môi trường	2				20	20		NS433
		Cộng	16		16					
		Tổng cộng	150	89	61					

4. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số Tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1	QP010	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	Đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Dành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
2	QP011	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	Được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số Tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt nam.	
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng ngắn, những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, Phòng chống địch tiến công bằng VKCNC, rèn luyện bản lĩnh, sức khỏe qua các nội dung quân sự, luyện tập đội hình lớp, khối. Nội dung gồm: đội ngũ đơn vị (Cấp trung đội). Rèn luyện kỹ năng chiến đấu, chỉ huy chiến đấu, hiệp đồng chiến đấu trong tiến công, phòng ngự.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	Giới thiệu lịch sử, truyền thống quân, binh chủng, tổ chức lực lượng các quân, binh chủng, tham quan tìm hiểu các lịch sử, các đơn vị trong lực lượng vũ trang	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	3	Học phần Giáo dục Thể chất không chuyên 1+2+3 là học phần chung tương ứng cho các học phần Giáo dục Thể chất sinh viên không chuyên ngành Giáo dục Thể chất phải học để hoàn thành chương trình đào tạo của ngành mình. Để hoàn thành học phần Giáo dục thể chất sinh viên không đăng kí học phần TC100 mà thay vào đó sinh viên phải đăng kí vào từng học phần cụ thể tùy theo khả năng và nhu cầu muốn học như: Học phần Taekwondo thì sinh viên đăng kí 03 học phần: Taekwondo 1(TC003), Taekwondo 2(TC004), Taekwondo 3,(TC019), các học phần Giáo dục Thể chất khác cũng tương tự... 3,(TC019), các học phần Giáo dục Thể chất khác cũng tương tự...	Bộ môn Giáo dục Thể chất
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 1 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về những thông tin cá nhân, gia đình, nơi ở, những vật dụng trong đời sống hàng ngày, các môn thể thao, các hoạt động trong thời gian rảnh và mua sắm cơ bản. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 2 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về miền quê, thành phố các em yêu thích, ẩm thực, du lịch, thời trang, tiền bạc. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
8	XH025	Anh văn căn bản 3	3	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 3 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản,	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số Tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		(*)		tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về các thể loại phim ảnh, khoa học công nghệ, du lịch và môi trường tự nhiên. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4	Học phần Tiếng Anh tăng cường 1 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	Khoa Ngoại ngữ
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3	Học phần Tiếng Anh tăng cường 2 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	Khoa Ngoại ngữ
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3	Học phần Tiếng Anh tăng cường 3 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số Tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4	Chương trình môn Pháp văn căn bản 1 sẽ giúp cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp làm quen với cách phát âm, ngữ điệu, bản mẫu tự của tiếng Pháp. Chương trình này cho phép sinh viên học cách chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thời hiện tại. Bên cạnh đó, sinh viên còn được học cách chào hỏi, hỏi và nói về giờ, giới thiệu bản thân, gia đình và nói về sở thích. Ngoài ra, sinh viên còn có thể vận dụng kiến thức đã học về ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm để viết một số câu đơn giản. Đồng thời, chương trình giảng dạy này cũng hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ của người học ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3	Chương trình môn Pháp văn căn bản 2 sẽ trang bị cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức cơ bản về Ngữ pháp, Ngữ âm, Từ vựng của tiếng Pháp. Nội dung giảng dạy của chương trình này hướng đến mục tiêu là các tình huống giao tiếp trong đời sống hằng ngày như hỏi thông tin, giải thích, nhận hay từ chối lời mời và nói về ngày làm việc thông thường... Nội dung giảng dạy này sẽ cho phép sinh viên làm quen với cách đặt câu hỏi với các đại từ của tiếng Pháp và cách chia động từ nhóm I, nhóm II, một số động từ nhóm III ở thức mệnh lệnh, biết chỉ đường và định vị trong không gian.v.v.. Ngoài ra, chương trình giảng dạy này cũng hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ của người học ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3	Chương trình môn Pháp văn căn bản 3 sẽ cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức về các tình huống giao tiếp trong đời sống hằng ngày như bàn về các ngày lễ tết, ẩm thực, miêu tả người, đồ vật, quần áo, diễn đạt sự lựa chọn, số lượng, kể lại một câu chuyện quá khứ và nói về những dự định trong tương lai. Trong chương trình này, sinh viên sẽ được làm quen với các bài đọc, các bài hội thoại dài hơn, viết các đoạn văn khoảng 100 từ và viết thư. Ngoài ra, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức về ngữ pháp vào bài viết của mình như phối hợp giống số danh từ, tính từ, chia các động từ ở thời quá khứ và tương lai. Ngoài ra, chương trình môn Pháp văn căn bản 3 cũng hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ của người học ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4	Chương trình Pháp văn tăng cường 1 sẽ cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng liên quan đến đời sống hằng ngày về giới thiệu gia đình, miêu tả người, nhà ở, diễn đạt sở thích và diễn đạt cảm xúc/cảm nhận của cá nhân. Trong học phần này, sinh viên được làm quen với các bài đọc khoảng 200 từ, viết đoạn văn ngắn khoảng 80-100 từ. Đặc biệt, ở cuối mỗi đơn vị bài học, sẽ có phần bài tập dành cho sinh viên ôn luyện, thúc đẩy tự học, hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn đề thi Delf B1. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số Tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3	Chương trình Pháp văn tăng cường 2 sẽ cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế liên quan đến các tình huống trong đời sống hằng ngày về sức khỏe, công việc và thời gian rảnh... Trong chương trình này, sinh viên được làm quen với các bài đọc khoảng 250 từ, viết đoạn văn khoảng 100-140 từ. Đặc biệt, ở cuối mỗi đơn vị bài học, sẽ có phần bài tập dành cho sinh viên ôn luyện, thúc đẩy tự học, hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn đề thi Delf B1. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3	Chương trình Pháp văn tăng cường 3 sẽ cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế liên quan đến các tình huống trong đời sống hằng ngày về phương tiện truyền thông, giao tiếp trên mạng xã hội, du lịch khám phá và về những kỉ niệm... Trong học phần này, sinh viên được làm quen với các bài khoá khoảng 300 từ, viết đoạn văn khoảng 140-180 từ. Đặc biệt, ở cuối mỗi đơn vị bài học, sẽ có phần bài tập dành cho sinh viên ôn luyện, thúc đẩy tự học, hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn đề thi Delf B1. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	Môn học này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết lý thuyết cơ bản về công nghệ thông tin: khái niệm về thông tin, cấu trúc tổng quát của máy tính, hệ điều hành Windows, các lệnh và thao tác để soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail.	Khoa Khoa học Tự nhiên
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	Bằng cách thông qua thực hành trên máy tính, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail. Trong phần thực hành cũng lồng ghép các kỹ năng viết báo cáo khoa học, kỹ năng soạn các bản trình bày trên các máy chiếu đa phương tiện.	Khoa Khoa học Tự nhiên
20	ML014	Triết học Mác – Lênin	3	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về triết học Mác – Lênin bao gồm: Triết học vào vai trò của triết học trong đời sống xã hội, Triết học Mác – Lênin và vai trò của Triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức; Chủ	Khoa Khoa học Chính trị

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số Tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				nghĩa duy vật lịch sử: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.	
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh tế chính trị Mác - Lênin bao gồm; Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể khi tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt nam.	Khoa Khoa học Chính trị
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Trong học phần này sinh viên sẽ nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về chủ nghĩa xã hội và thực tiễn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Nội dung chủ yếu của học phần tập trung vào một số vấn đề như: sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; liên minh giai cấp, tầng lớp; vấn đề dân tộc, tôn giáo; vấn đề về gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	Khoa Khoa học Chính trị
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930); quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	Khoa Khoa học Chính trị
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Cùng với môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta, tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới. Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học, cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh.	Khoa Khoa học Chính trị
25	KL001	Pháp luật đại cương	2	Học phần này được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên ngành Luật. Học phần giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước và pháp luật từ nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng cũng như các kiểu nhà nước và pháp luật đã hình thành, tồn tại và phát triển qua các hình thái kinh tế xã hội khác nhau trong lịch sử	Khoa luật

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số Tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				nhân loại. Thêm vào đó, học phần cũng bao gồm việc nghiên cứu vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị, cấu thành bộ máy nhà nước, các hệ thống cơ quan nhà nước. Khối lượng lớn kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật thông dụng của Việt Nam cũng được giới thiệu như quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tội phạm, vi phạm pháp luật hành chính, quy định của pháp luật về kết hôn, ly hôn, thừa kế...	
26	ML007	Logic học đại cương	2	Học phần trang bị những tri thức của logic hình thức. Cung cấp những quy tắc và các yêu cầu của các quy luật cơ bản của tư duy như: Quy luật đồng nhất; Quy luật phi mâu thuẫn; Quy luật gạt bỏ cái thứ ba; Quy luật lý do đầy đủ. Và những hình thức cơ bản của tư duy như: Khái niệm; Phán đoán; Suy luận; Giả thuyết; Chứng minh; Bác bỏ và Ngụy biện.	Khoa Khoa học Chính trị
27	XH028	Xã hội học đại cương	2	Môn học nghiên cứu qui luật, tính qui luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Đối tượng nghiên cứu của Xã hội học là các quan hệ xã hội, tương tác xã hội biểu hiện qua các hành vi giữa người với người trong các nhóm, các tổ chức, các hệ thống xã hội.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
28	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức chung về văn hóa học và văn hóa Việt Nam, về hệ thống các thành tố, những đặc trưng và quy luật phát triển của văn hóa Việt Nam, các vùng văn hóa Việt Nam; phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hóa Việt Nam; rèn kỹ năng vận dụng kiến thức văn hóa học vào phân tích ngôn ngữ và tác phẩm văn học.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
29	XH012	Tiếng Việt thực hành	2	Học phần được thiết kế thành 4 chương. Mỗi chương gồm hai phần chính được biên soạn đan xen vào nhau: giản yếu về lý thuyết và hệ thống bài tập thực hành. Chương 1 tập trung vào vấn đề về chữ viết và chính tả. Chương 2 tập trung rèn luyện kỹ năng dùng từ. Tương tự, nội dung Chương 3 là rèn luyện kỹ năng về câu. Chương 4 rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
30	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2	Môn học Văn bản – Lưu trữ học nhằm trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về văn bản quản lý và tài liệu lưu trữ, giúp sinh viên nhận thức rõ vai trò của văn bản hành chính và tài liệu lưu trữ đối với công tác quản lý. Bên cạnh đó, môn học này còn giúp người học nắm vững phương pháp soạn thảo và quản lý khoa học các loại văn bản hành chính, biết cách lựa chọn, phân loại văn bản để lưu trữ; biết cách tra tìm, sử dụng tài liệu lưu trữ để có thể làm tốt công tác quản lý ở trường học cũng như ở các cơ quan nói chung.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
31	KN001	Kỹ năng mềm	2	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho người học: kỹ năng giao tiếp, các nguyên lý chung về giao tiếp; các kỹ năng lắng nghe, nói và thuyết trình hiệu quả; kỹ năng làm việc nhóm đảm bảo sự hợp tác tốt trong học tập và làm việc; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng quản lý thời gian và kỹ năng quản lý cảm xúc.	Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp sinh viên
32	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	Nội dung của môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về sáng tạo, đổi mới và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, lựa chọn loại hình sở hữu doanh nghiệp, hiểu biết cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ. Thêm vào đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thị trường như đánh giá	Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp sinh viên

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số Tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				thể mạnh, cơ hội, đe dọa, rủi ro thương mại hóa sản phẩm từ ý tưởng kinh doanh, phát hiện tiềm năng kinh doanh và lập kế hoạch khởi nghiệp. Quan trọng hơn, sinh viên có cơ hội được chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt và/hoặc tham quan mô hình khởi nghiệp thành công.	
33	TN059	Toán cao cấp B	3	Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của Toán học cao cấp như hệ phương trình tuyến tính, hàm số, giới hạn, liên tục, đạo hàm, tích phân của một số biến và hàm nhiều biến.	Khoa KHTN
34	TN042	Sinh học đại cương	2	Sinh viên sẽ được giảng dạy các kiến thức khái quát về sinh học: Từ cấu tạo tế bào sơ hạch và tế bào chân hạch, quá trình trao đổi chất và cơ sở phân tử của di truyền. Hiểu biết về cấu tạo của thực vật bao gồm tổ chức cơ thể, cấu trúc và hoạt động của các cơ quan, các hormone tăng trưởng của thực vật. Sinh viên sẽ học tập, hệ thống và hiểu cấu tạo cơ thể các cơ quan, hệ cơ quan động vật. Từ đó sẽ có cái nhìn khái quát về sự đa dạng của Động thực vật từ bậc thấp tới bậc cao. Hiểu rõ các nguyên tắc chính về phân loại, cách đặt tên các sinh vật. Trong quá trình học, sinh viên sẽ được vận dụng và liên hệ kiến thức với các vấn đề thực tế, từ đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức sinh học cho các môn học chuyên ngành.	Khoa KHTN
35	TN043	TT. Sinh học đại cương	1	Học phần cung cấp các kiến thức đại cương về nguyên tắc cấu tạo và cách sử dụng kính hiển vi và kính nhìn nổi. Sinh viên học cách thực hiện tiêu bản để quan sát các tế bào thực vật, động vật và sinh vật đơn bào. Học cách nhận biết các bào qua, các loại mô thực vật, mô động vật; cách giải phẫu cơ thể động vật có xương sống và nhận diện sự sắp xếp của các cơ quan và hệ cơ quan; quan sát các đại diện của các ngành trong giới thực vật để thấy được sự đa dạng và tiến hóa của cơ quan sinh dưỡng và sinh sản ở thực vật, quan sát các đại diện của động vật không xương sống từ bậc thấp đến bậc cao để thấy được sự đa dạng và tiến hóa trong động vật không xương sống.	Khoa KHTN
36	TN019	Hóa học đại cương	2	Môn học sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản nhất của môn hóa học như: Liên kết hóa học, sự lai hóa orbital, liên kết hidro, giải thích và so sánh được nhiệt độ nóng chảy, nhiệt độ sôi các chất, điều kiện phản ứng hóa học xảy ra, vận tốc phản ứng, cân bằng hóa học, nồng độ dung dịch, tính được pH của dung dịch axit, bazơ mạnh yếu, pH dung dịch muối, dung dịch đệm, phản ứng oxi hóa-khử, pin điện hóa học và sự điện phân.	Khoa KHTN
37	TN020	TT. Hóa học đại cương	1	Sinh viên sẽ lĩnh hội các kiến thức cơ bản nhất của môn hóa học dưới hình thức các thí nghiệm học: vận tốc phản ứng, cân bằng hóa, nồng độ dung dịch, tính được pH của dung dịch, pin điện hóa học, điện phân, ăn mòn kim loại,... Các kiến thức đại cương này giúp học viên tiếp thu các kiến thức cơ sở của hóa học như hóa vô cơ, hóa hữu cơ, hóa phân tích, hóa lý, cũng như vận dụng sự hiểu biết này đối với các chuyên ngành có liên quan đến hóa học.	Khoa KHTN
38	NN123	Sinh hóa B	2	Giúp cho sinh viên nắm được lược sử của sinh hóa, quá trình phát triển và ứng dụng của sinh hóa trong các lĩnh vực của đời sống. Biết và hiểu rõ các tính chất vật lý, hóa học, sinh	Khoa Nông Nghiệp

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số Tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				học, vai trò và ứng dụng của các hợp chất cấu tạo nên cơ thể sinh vật như carbohydrate, lipid, amino acid, protein, vitamin, enzyme, nucleic acid. Biết được các phương pháp phân tích sinh hóa cơ bản phục vụ cho việc xác định thành phần hóa học của vật thể sống. Nắm bắt và vận dụng được các khái niệm cơ bản về biến dưỡng, sự chuyển hóa các vật chất cấu tạo trong cơ thể sinh vật. Xác định được nhu cầu năng lượng, quá trình phân giải và sự phát sinh năng lượng từ các thành phần dinh dưỡng thiết yếu cho đời sống sinh vật.	
39	NN124	TT. Sinh hóa	1	Củng cố lại các kiến thức sinh hóa đã học ở phần lý thuyết. Giúp cho sinh viên nắm vững các phương pháp phân tích sinh hóa cơ bản phục vụ cho việc phân tích thành phần hoá học các chất dinh dưỡng trong cơ thể sống như định tính và định lượng carbohydrate, các chỉ số cơ bản trong lipid, định tính và định lượng acid amin, protein và một số vitamin, thí nghiệm chiết tách hợp chất phospholipid, enzyme và nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến phản ứng xúc tác enzyme nhằm trang bị những kiến thức nền tảng phục vụ cho việc nghiên cứu nâng cao về kỹ thuật sinh học.	Khoa Nông Nghiệp
40	NN128	Sinh lý thực vật A	3	Trang bị kiến thức về cấu trúc và chức năng sinh lý tế bào thực vật, vai trò của sự trao đổi nước; quá trình biến dưỡng dinh dưỡng khoáng, sự quang hợp, hô hấp... Kết quả hoạt động tổng hợp của các quá trình sinh lý cơ bản này là cây sinh trưởng và phát triển: từ sự nảy mầm, trẻ hóa, trưởng thành, ra hoa kết trái và kết thúc chu kỳ sống của cây thông qua sự lão hóa. Khả năng tự vệ, thích nghi, chống chịu của cây và các biện pháp nâng cao khả năng chống chịu của cây với điều kiện bất lợi của môi trường. Trong các hoạt động sinh lý của cây, cần quan tâm đến ba nội dung cơ bản: (i) bản chất của các quá trình sinh lý, (ii) ảnh hưởng các nhân tố ngoại cảnh đến các hoạt động sinh lý và (iii) các biện pháp điều khiển các hoạt động sinh lý đó có lợi cho con người.	Khoa Nông Nghiệp
41	NN130	TT. Sinh lý thực vật	1	Giúp sinh viên củng cố lại các kiến thức về sinh lý thực vật đã học ở phần lý thuyết. Nắm vững các phương pháp phân tích và nghiên cứu về sinh lý thực vật cơ bản như tìm hiểu cấu trúc và tính chất sống của tế bào thực vật; sự trao đổi nước của thực vật, nhận biết biểu hiện của sự thiếu hụt một số khoáng chất; định tính và định lượng các sắc tố trên lá, nghiên cứu ảnh hưởng của ánh sáng đến quang hợp; so sánh cường độ hô hấp của các loại thực vật khác nhau, đánh giá sức sống của hạt thông qua hô hấp; nghiên cứu vai trò của một số chất điều hòa sinh trưởng đến sự sinh trưởng của thực vật. Đề cương được biên soạn và giảng dạy theo 1 tín chỉ: gồm có 6 bài (30 tiết thực hành).	Khoa Nông Nghiệp
42	NN126	Di truyền học đại cương	2	Cung cấp những kiến thức cơ bản và cập nhật những thành tựu mới nhất về Di truyền cũng như những ứng dụng của Di truyền học trong nghiên cứu và đời sống; Trang bị các khái niệm cần thiết để tiếp cận và nâng cao trình độ trong các lĩnh vực nông nghiệp nói chung và công nghệ sinh học. Ngoài ra, giúp sinh viên có khả năng phân tích và giải thích các hiện tượng di truyền phổ biến trong tự nhiên và đời sống cũng như các phương pháp chọn giống thông dụng để có thể ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp.	Khoa Nông Nghiệp

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số Tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
43	NN127	TT. Di truyền học đại cương	1	Giúp sinh viên củng cố những kiến thức cơ bản trong phần lý thuyết về Di truyền học, nắm vững và thực hành các kỹ năng thực hiện mẫu quan sát dưới kính hiển vi, các mô hình thí nghiệm di truyền và các phương pháp phân tích số liệu trong nghiên cứu về di truyền trong phòng thí nghiệm. Sinh viên có khả năng sử dụng các kiến thức di truyền học vào thực tế nghiên cứu và sản xuất nông nghiệp như chọn giống, công nghệ sinh học.	Khoa Nông Nghiệp
44	NN529	Phì nhiều đất B	2	Phần lý thuyết của học phần gồm: các định nghĩa, thành phần, tính chất của độ phì nhiêu đất, các nguyên tố cần thiết cho dinh dưỡng cây trồng, các tiến trình hấp thu dưỡng chất và biến dưỡng. Động thái các dưỡng chất khoáng đa, trung, vi lượng trong đất và các tiến trình hóa lý có liên quan đến độ hữu dụng. Phân hữu cơ, sử dụng, các kỹ thuật và phương pháp ủ phân hữu cơ. Các tiến trình làm tăng, giảm độ phì nhiêu đất và phương pháp đánh giá. Phần thực hành gồm các bài thực tập phân tích trong phòng thí nghiệm các chỉ tiêu phì nhiêu đất cơ bản như nhận diện phân bón, xác định hàm lượng đạm ammonium trong đất, xác định lân hữu dụng trong đất hay lân tổng số trong cây, phương pháp vô cơ hóa mẫu và xác định hàm lượng kali tổng số trong cây.	Khoa Nông Nghiệp
45	NN442	Sinh học phân tử cây trồng	2	Trang bị lý thuyết về sự biểu hiện của cây trồng ở mức độ phân tử như những ảnh hưởng và sự điều hòa gen trong quá trình sinh trưởng và phát triển của cây trồng, sự đáp ứng của cây trồng đối với những điều kiện môi trường khác nhau. Đây là những kiến thức cần thiết cho những nghiên cứu nâng cao trong lĩnh vực Chọn giống cây trồng và Công nghệ sinh học thực vật. Sinh viên sẽ được cập nhật những thông tin về mặt phân tử của những biểu hiện tính trạng trên cây trồng. Trên cơ sở khối kiến thức này có thể ứng dụng vào trong việc cải thiện giống cây trồng có triển vọng, đặc biệt là công tác lai tạo và chọn lọc giống cây trồng phù hợp với các yêu cầu khác nhau.	Khoa Nông Nghiệp
46	CS343	Chất điều hòa sinh trưởng thực vật	2	Chưa có	
47	TN340	Nuôi cấy mô thực vật	2	Môn học gồm tất cả 7 chương: Lịch sử của nuôi cấy mô và tế bào thực vật (Chương 1), các nguyên lý của nuôi cấy mô và tế bào thực vật (Chương 2), ứng dụng của nuôi cấy mô tế bào thực vật trong nhân giống cây trồng (Chương 3), ứng dụng của nuôi cấy mô tế bào thực vật trong chọn giống cây trồng (Chương 4), các ứng dụng khác của nuôi cấy mô tế bào (Chương 5), các vấn đề gặp phải trong nuôi cấy và cách xử lý (Chương 6), sự thuận dưỡng (Chương 7).	Khoa Nông Nghiệp
48	NN143	Hóa bảo vệ thực vật B	2	Vai trò của môn học trong sản xuất nông nghiệp. Tác động chất độc đến hệ sinh vật đồng ruộng. Cách bố trí thí nghiệm và đánh giá hiệu quả của thuốc BVTV đến dịch hại cây trồng. Phân biệt các nhóm thuốc BVTV. Tính kháng thuốc của sâu bệnh hại khi chịu áp lực của thuốc BVTV. Tác động của thuốc trừ dịch hại đến sinh vật và môi trường sinh thái.	Khoa Nông Nghiệp

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số Tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
49	NN444	Cỏ dại và cách phòng trừ	2	Khi học môn cỏ dại các em sinh viên cần phải có những khái niệm cỏ dại, biết được nguồn gốc cỏ dại, biết phân biệt được 3 nhóm cỏ, biết được những thuận lợi và bất lợi của cỏ dại, ứng dụng cỏ dại vào trong cuộc sống trong chăn nuôi, làm cảnh, làm thuốc,..., biết được tình hình nghiên cứu cỏ dại hiện nay trên thế giới cũng như trong nước, biết được một số tổ chức, một số trang web, tạp chí nghiên cứu trong và ngoài nước. Phải biết nhận dạng, định danh một số cỏ dại phổ biến trên đồng ruộng. Biết được đặc điểm sinh học và sinh thái của một số loài cỏ dại phổ biến trên đồng ruộng có ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp trong quá trình sản xuất. Phân biệt được giữa hiện tượng allelopathy và sự cạnh tranh. Biết, hiểu cỏ dại tồn tại và lây lan như thế nào trong tự nhiên qua những con đường nào để từ đó có biện pháp ngăn chặn, diệt trừ, kiểm soát chúng. Qua môn học này sinh viên nắm vững nguyên tắc 4 đúng khi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật nói chung và thuốc trừ cỏ nói riêng	Khoa Nông Nghiệp
50	CS111	Vi sinh học đại cương B	2	<ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng, lược sử ngành vi sinh vật học và phân loại tổng quát vi sinh vật - Phương tiện, trang bị và thủ thuật dùng trong vi sinh học - Sự dinh dưỡng, tăng trưởng của vi sinh vật và ảnh hưởng của điều kiện ngoại cảnh lên sự sinh trưởng, phát triển của vi sinh vật - Đặc điểm chính của nhóm vi sinh vật: nhân nguyên (vi khuẩn và các vi sinh vật nhân nguyên khác); vi sinh vật nhân thực (nấm, tảo, prôtôzoa); virút và một số hiện tượng có liên quan trong tương tác giữa virút và ký chủ - Di truyền và biến dị ở vi sinh vật. - Ứng dụng của vi sinh vật học trong đời sống và sản xuất nông nghiệp 	Khoa Nông Nghiệp
51	NN516	Sinh thái cảnh quan - HV & CC	1	Nội dung giảng dạy của học phần gồm 10 chương: Chương 1. Nguyên tắc sinh thái cảnh quan Chương 2. Cấu trúc sinh thái cảnh quan Chương 3. Động thái sinh thái cảnh quan Chương 4. Biến đổi sinh cảnh Chương 5. Các ảnh hưởng giả thuyết về sinh thái cảnh quan Chương 6. Các phương pháp nghiên cứu và ứng dụng cảnh quan Chương 7. Đánh giá các thành phần cảnh quan Chương 8. Các tiêu chuẩn đánh giá và mô tả sinh cảnh Chương 9. Sinh thái cảnh quan và phát triển bền vững Chương 10. Sinh thái cảnh quan và bảo tồn sinh học	Khoa Môi trường & TNTN
52	NS122	Sinh lý cây trồng trong điều kiện bất lợi	2	Trong tự nhiên, kể cả trong nông nghiệp, thực vật hay cây trồng thường đối đầu với stress, là các điều kiện môi trường (sống) bên ngoài ảnh hưởng bất lợi đến sự sinh trưởng, phát triển, hay sức sản xuất của chúng. Các stress có thể là hữu sinh, gây ra bởi các sinh vật khác, hay vô sinh, do bởi một sự vượt quá mức giới hạn hoặc thiếu hụt trong môi trường lý hay hoá học. Trong số những điều kiện môi trường sống mà chúng gây ra tổn hại là sự úng nước, khô hạn, nhiệt độ cao hoặc thấp, độ mặn của đất quá lớn, dưỡng chất khoáng trong	Khoa Nông Nghiệp

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số Tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				đất không đầy đủ (bao gồm các nồng độ độc của nhôm (Al ³⁺) hay của cadmium...), và ánh sáng quá nhiều hay quá thấp. Các hợp chất độc như ozone cũng có thể gây tổn hại cho mô cây. Sức đề kháng hay miễn cảm đối với stress phụ thuộc vào loài, kiểu gene, và tuổi phát triển của cây trồng.	
53	XH415	Du lịch sinh thái	2	Các nội dung chính sẽ giảng dạy cho người học đối với học phần này gồm sự tiến triển nhận thức và lịch sử du lịch sinh thái, các tiêu chí trọng tâm xác định du lịch sinh thái, các loại hình du lịch sinh thái và mối quan hệ giữa du lịch sinh thái với các loại hình du lịch khác, các nguyên tắc và tầm quan trọng của du lịch sinh thái, khách du lịch sinh thái, tài nguyên môi trường cho sự phát triển du lịch sinh thái, tác động của du lịch sinh thái đối với điểm đến, quản lý du lịch sinh thái, bài học kinh nghiệm về phát triển du lịch sinh thái ở một số khu bảo tồn trên thế giới.	Khoa KHXH&NV
54	CN004	Khí tượng thủy văn	2	Là môn học giới thiệu về các kiến thức cơ bản về khí tượng, khí hậu học, biến đổi khí hậu toàn cầu và khả năng cải tạo lại khí hậu, đại cương về sông ngòi và sự hình thành dòng chảy (mặt và ngầm). Mặt khác, sinh viên có thể phân tích các yếu tố khí tượng tác động đến chế độ thủy văn cũng như đặc tính thủy văn vùng ảnh hưởng thủy triều (vùng nghiên cứu Đồng bằng sông Cửu long). Ngoài ra, có thể ước đoán được hiện tượng vật lý xảy ra trên mặt đất, trong khí quyển và sự hình thành dòng chảy (mặt và ngầm) cũng như ảnh hưởng qua lại của các hiện tượng này với nhau. Môn học cũng giúp sinh viên hiểu rõ các diễn biến phức tạp của thiên nhiên nhằm phòng, chống tránh một phần thiên tai, giảm nhẹ các rủi ro trong cuộc sống sản xuất và cải tạo môi trường sinh sống.	Khoa Môi trường & TNTN
55	NN515	Mỹ học ứng dụng	2	Học phần Mỹ học ứng dụng dành cho các sinh viên chuyên ngành Công nghệ Rau Hoa Quả và Cảnh quan; Bài giảng đặt trọng tâm cho sinh viên hiểu rõ những nguyên tắc cơ bản về Mỹ học ứng dụng (ứng dụng cái đẹp vào cuộc sống: Gồm màu sắc và phương pháp sử dụng, bố cục và những nguyên tắc cơ bản của bố cục, phương pháp ký họa cây cỏ, hoa lá, ký họa phong cảnh và cách sắp đặt, bố cục để tạo dựng vườn cảnh, các nguyên tắc phối kết cây xanh, sắp xếp các yếu tố nước, đồi cảnh và tạo dựng lối đi trong sân vườn...) nhằm giúp sinh viên có khả năng ứng dụng phối hợp màu sắc, bố cục một cách căn bản trong thiết kế cảnh quan, kiến trúc sân vườn để thiết kế được những công trình đẹp, hiệu quả.	Khoa Nông nghiệp
56	SP169	Phân loại thực vật B	2	Giới thực vật rất đa dạng và phong phú về thành phần loài. Mỗi loài có đặc điểm hình thái, cấu tạo cơ thể và giá trị sử dụng khác nhau. Vì vậy, để khai thác, sử dụng và bảo tồn chúng có hiệu quả, trước hết cần phải phân biệt sự khác nhau giữa các loài. Để làm được công việc này, cần phải nắm được các qui tắc, các phương pháp dùng trong phân loại và cấu tạo của cơ thể thực vật. Trên cơ sở đó, tiến hành phân loại chúng thành các nhóm hay các đơn vị phân loại. Vì giới thực vật phát triển từ đơn giản đến phức tạp nên môn học còn phải xác định quan hệ họ hàng và xây dựng các hệ thống phát sinh tự nhiên của chúng. Ngoài ra, để nghiên cứu về đa dạng thế giới thực vật cần biết cách thu mẫu, làm tiêu bản thực vật, làm bách thảo tập, bảo	Khoa sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số Tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				quản các mẫu thực vật. Đồng thời phải có khả năng tự phân tích, mô tả, vẽ hình và phân loại được các loài thực vật.	
57	NN131	Thổ nhưỡng B		Nội dung kiến thức truyền đạt cho người học bao gồm về quá trình hình thành đất, thành phần cấu tạo, tính chất hóa học và các tính chất vật lý cơ bản của của các pha rắn, lỏng và khí trong đất. Trên cơ sở kiến thức này, người học sẽ có hiểu biết tại sao đặc tính của đất liên quan đến quá trình hình thành và ảnh hưởng các tính chất hóa học và vật lý của đất đến thực vật và môi trường.	Khoa Nông Nghiệp
58	NN438	Côn trùng - HV và CC		Giới thiệu những kiến thức cơ bản về các động vật thuộc nhóm côn trùng (có hại trên cây trồng và có lợi cho con người) về các đặc điểm hình thái, sinh lý học, sinh vật học, sinh thái, phân loại, cách gây hại và một số biện pháp phòng trị cơ bản. Qua đó, trang bị những kiến thức cần thiết để nghiên cứu các biện pháp, chiến lược quản lý côn trùng gây hại trên các cây rau hoa quả và cảnh quan phục vụ cho sự phát triển một nền nông nghiệp bền vững và có hiệu quả kinh tế trong điều kiện cụ thể của vùng ĐBSCL nói riêng và của cả nước nói chung.	Khoa Nông Nghiệp
59	NN439	Bệnh cây - HV và CC		Học phần Bệnh cây – HV và CC sẽ giới thiệu kiến thức về nguyên nhân gây bệnh cây trồng (còn gọi là tác nhân gây bệnh, mầm bệnh) (nấm, vi khuẩn, vi rút, tuyến trùng...), con đường xâm nhiễm, sự lưu tồn và lan truyền của các tác nhân gây bệnh cây trồng, phân biệt và mô tả các loại triệu chứng bệnh cây trồng, các yếu tố có liên quan đến sự bộc phát dịch bệnh cây trồng và các nguyên lý trong quản lý bệnh cây trồng. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện kỹ năng nhận diện chính xác một số loại bệnh hoa kiểng và rau hoa quả khác được sử dụng trong trang trí cảnh quan. Các nội dung học phần sẽ giúp sinh viên biết cách giải quyết vấn đề liên quan bệnh cây trồng sau khi ra trường.	Khoa Nông Nghiệp
60	NN518	Kỹ thuật trồng hoa và cây cảnh	3	Môn học Kỹ thuật trồng hoa và cây cảnh là môn học giúp sinh viên trang bị các kiến thức lý thuyết cơ bản và thực hành trong lĩnh vực trồng hoa và cây cảnh. Biết phân loại các loại hoa và cây cảnh. Từ đó, áp dụng các kỹ nhân giống, trồng các loại hoa, cũng như cắt tỉa, uốn sửa và tạo dáng các loại cây cảnh. Đồng thời, sinh viên cũng biết sử dụng đúng các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và nắm vững cách chăm sóc các loại hoa và cây cảnh được phát triển tốt.	Khoa Nông Nghiệp
61	NN111	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Nông nghiệp	2	Môn phương pháp nghiên cứu khoa học là môn học cơ sở chia làm 4 nội dung chính: 1. Các khái niệm, các phương pháp nghiên cứu khoa học và các sản phẩm nghiên cứu khoa học. 2. Phương pháp xây dựng và viết đề cương nghiên cứu khoa học 3. Các kỹ thuật thu thập số liệu trong nghiên cứu khoa học 4. Các trình bày báo cáo khoa học bằng sildes, và các kỹ năng cần thiết để viết bài báo khoa học và luận văn tốt nghiệp đại học.	Khoa Nông Nghiệp
62	KT005	Quản trị doanh nghiệp đại	3	Học phần Quản trị doanh nghiệp đại cương được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên ngoài ngành kinh tế những kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp. Nội dung của học phần	Khoa Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số Tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		cương		sẽ giúp người học hiểu được khái niệm về doanh nghiệp và các tiêu chí phân loại doanh nghiệp. Người học sẽ nắm được cơ bản cách thức xây dựng và tổ chức thực hiện việc quản trị các hoạt động sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp. Thêm vào đó, người học cũng sẽ nắm được các hoạt động cơ bản tạo ra doanh thu và chi phí để từ đó tính lợi nhuận của doanh nghiệp.	
63	NN169	Xác suất thống kê và phép thí nghiệm - TT&NH	2	Học phần này cung cấp các khái niệm về xác suất, các quy tắc tính xác suất và các ứng dụng: khái niệm về đại lượng ngẫu nhiên và một số phân bố thường gặp trong thực tế; các kiến thức cơ bản về lý thuyết mẫu, thống kê mô tả; các vấn đề ước lượng khoảng, kiểm định giả thiết, tương quan và hồi quy. Trang bị cho sinh viên kỹ thuật ứng dụng thống kê trong nghiên cứu cho từng chuyên ngành. Đồng thời giúp sinh viên có khả năng thực hiện thí nghiệm một cách độc lập, biết cách xử lý và phân tích số liệu, giải thích kết quả một cách hợp lý và có khoa học.	Khoa KHTN
64	NN142	Anh văn chuyên môn hoa viên và cây cảnh	2	Học phần sẽ giới thiệu và cung cấp cho sinh viên những kiến thức về kỹ năng đọc hiểu, thảo luận thông qua các tài liệu chuyên môn của ngành học. Học phần bao gồm các bài học bằng tiếng Anh văn chuyên môn từ những kiến thức khoa học cơ bản đến khoa học ứng dụng liên quan đến nông nghiệp như: cây ăn trái, hoa kiểng, cảnh quan, khoa học đất và phân bón....	Khoa Nông nghiệp
65	XH019	Pháp văn chuyên môn - KH&CN	2	Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong lĩnh vực khoa học công nghệ, như giới thiệu bản thân (tên tuổi, nghề nghiệp, đào tạo,...) giới thiệu về các hoạt động khoa học kỹ thuật, trình bày các dự án trong lĩnh vực khoa học công nghệ, trao đổi thư từ chuyên môn... trong đó chú trọng đến từ vựng chuyên ngành kỹ thuật. Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hóa Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.	Khoa KHXH&NV
66	NN175	Trắc địa đại cương	2	Chưa có	Khoa Môi trường & TNTN
67	NS447	Đồ họa ứng dụng trong thiết kế cảnh quan	3	Học phần sẽ giới thiệu và cung cấp cho sinh viên những kiến thức về phần mềm đồ họa AutoCad; một phần mềm rất mạnh về mô phỏng, xây dựng bản vẽ kỹ thuật chính xác các cảnh quan, công trình xây dựng và từ đó làm nền tảng cho quá trình thi công các công trình, kiến trúc cảnh quan trên thực tế. Học phần bao gồm phần lý thuyết từ căn bản đến nâng cao đồng thời kết hợp với rất nhiều bài tập trên máy tính giúp sinh viên dễ tiếp thu cũng như dễ dàng ứng dụng vào ngành học của mình.	Khoa Nông nghiệp
68	NN521	Phong thủy		Chưa có	Khoa Môi trường & TNTN
69	NN446	Kiến trúc phong cảnh	2	Môn học trình bày các kiến thức chung và chuyên sâu về kiến trúc cảnh quan. Chương 1. Khái niệm chung Chương 2: Lược sử phát triển kiến trúc cảnh quan trên thế	Khoa Công nghệ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số Tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				giới Chương 3. Kiến trúc cảnh quan các quốc gia Châu Âu từ phục hưng đến hiện đại Chương 4. Kiến trúc cảnh quan các quốc gia Châu Á Chương 5. Nghệ thuật vườn-công viên Việt Nam. Chương 6. Cơ sở thiên nhiên ảnh hưởng đến kiến trúc cảnh quan Chương 7. Những nguyên tắc cơ bản trong thiết kế cảnh quan.	
70	NN453	Nghệ thuật hoa viên	2	Môn học Nghệ thuật hoa viên là môn học cung cấp kiến thức cơ bản cần thiết về kỹ thuật và nghệ thuật trang trí vườn cảnh cho ngành CNRHQ & CQ và các ngành liên quan đến Xây dựng, Kiến trúc. Môn học gồm có 5 chương: Chương 1: Các nguyên tắc cơ bản để tạo dựng vườn cảnh. Chương 2: Các loại vật liệu phổ biến trong sân vườn. Chương 3: Các yếu tố tạo cảnh trong nghệ thuật hoa viên. Chương 4: Kỹ thuật thi công sân vườn. Chương 5: Kỹ thuật chế tác non bộ	Khoa Nông nghiệp
71	NS258	Kỹ thuật sản xuất cây ăn trái và rau sạch		Nội dung chính của học phần bao gồm 5 chương: Chương 1. Khái quát chung, Chương 2. Các nguyên tắc và các tiêu chuẩn chính của các sản phẩm cây trồng sạch, Chương 3. Quy trình kỹ thuật sản xuất cây ăn trái, Chương 4. Quy trình kỹ thuật sản xuất rau sạch và Chương 5. Quản lý hệ thống cây trồng sạch. Các nội dung học tập được thực hiện qua học lý thuyết, seminar, thực tập và tham quan thực tế.	Khoa Nông nghiệp
72	NS384	Công nghệ sau thu hoạch rau hoa quả	2	Nội dung học phần gồm 2 phần; (i) Lý thuyết: 20 tiết giảng trên lớp, cung cấp phần kiến thức cơ bản và cập nhật của môn học; (ii) Thực hành và báo cáo các chủ đề seminar: 20 tiết (tương đương 10 tiết chuẩn).	Khoa Nông nghiệp
73	NN452	Cỏ và cây cảnh đô thị	2	Học phần sẽ giới thiệu và cung cấp cho sinh viên những kiến thức về đặc điểm, kỹ thuật trồng và chăm sóc cũng như vai trò của cỏ và cây xanh trồng trong đô thị. Học phần bao gồm phần lý thuyết kết hợp với tham quan thực tế giúp sinh viên dễ tiếp thu cũng như dễ dàng ứng dụng vào ngành học của mình.	Khoa Nông nghiệp
74	NN448	Quy hoạch, thiết kế và bảo dưỡng cảnh quan	2	Môn học trình bày các kiến thức chung và chuyên sâu về Quy hoạch, Thiết kế cảnh quan đô thị và các vấn đề trong việc bảo dưỡng cây xanh - cảnh quan đô thị.	Khoa Nông nghiệp
75	NS367	Kỹ thuật nhân giống cây xanh và quản lý vườn ươm	2	Môn học giới thiệu về các nguyên tắc, phương pháp nhân giống cây xanh và quản lý vườn ươm. Giúp sinh viên nắm được các phương pháp nhân giống cây xanh như: phương pháp nhân giống hữu tính (gieo hạt, sản xuất hạt lai, hạt nhân tạo), phương pháp nhân giống vô tính (giâm cành, chiết cành, ghép cành,...). Học phần còn trang bị các kiến thức về cấu trúc cũng như phương pháp thiết kế vườn ươm sao cho hợp lý và đạt hiệu quả cao.	Khoa Nông nghiệp
76	NS368	TT. Nhân giống cây xanh và quản lý	1	Học phần giúp sinh viên nắm được các phương pháp nhân giống cây xanh như: phương pháp nhân giống hữu tính (gieo hạt, sản xuất hạt lai, hạt nhân tạo), phương pháp nhân giống vô tính (giâm cành, chiết cành, ghép cành,...) trong hệ thống	Khoa Nông nghiệp

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số Tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		vườn ươm		vườn ươm.	
77	NN565	Thực tập cơ sở - RHQ	2	Sinh viên được chia thành các nhóm nhỏ và thực hành tại các cơ sở trồng và kinh doanh hoa kiểng. Tại đây sinh viên thực hiện nhân giống, trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh trên hoa kiểng. Quan sát, ghi nhận lại kinh nghiệm sản xuất, tổ chức sản xuất, quản lý trang trại,... Từng nhóm sinh viên sẽ thảo luận sâu hơn và báo cáo tóm tắt theo chủ đề với lớp và cán bộ hướng dẫn. Qua đó, giúp sinh viên có thể liên hệ được kiến thức đã học với thực tế.	Khoa Nông nghiệp
78	NN566	Thực tập giáo trình - RHQ&CQ	2	Học phần này sinh viên sẽ được tham quan thực tế toàn diện về kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch các loại hoa, cây kiểng, cây xanh, cỏ cũng như được chứng kiến những thiết kế và bố trí cảnh quan của các khu phố hiện đại và khu nghỉ dưỡng. Cụ thể sinh viên sẽ được tham quan tại: Khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng có kiến trúc và phong cảnh đạt tiêu chuẩn quốc tế. Qua chuyến tham quan này sinh viên liên hệ được những kiến thức lý thuyết về thiết kế khu đô thị mới hiện đại. Các khu nghỉ dưỡng đã, sắp hoàn thành dọc theo bờ biển từ Vũng Tàu đến Phan Thiết. Trên đường tham quan, sinh viên sẽ được thăm những khu nghỉ dưỡng cao cấp và khu bình dân phục vụ đa dạng của khách du lịch. Bên cạnh những kiến thức về thiết kế, sinh viên sẽ được tham quan, học hỏi, lợi nhuận của ngành trồng hoa tại Đà Lạt, Củ Chi,... Kỹ thuật trồng hoa trong những khu nông nghiệp công nghệ cao. Qua đó, giúp sinh viên có thể liên hệ được kiến thức đã học với thực tế, mở rộng tầm nhìn về nghề nghiệp đang học và định hướng công việc trong tương lai.	Khoa Nông nghiệp
79	NN447	Thiết bị và công cụ làm vườn	2	Môn học Thiết bị và Công cụ làm vườn là môn học cung cấp kiến thức cơ bản cần thiết về thiết bị và công cụ làm vườn cho ngành CNRHQ & CQ và các ngành liên quan đến Nông nghiệp, Lâm nghiệp. Học phần gồm 8 chương: Chương 1: Động cơ điện và động cơ nhiệt Chương 2: Máy chuẩn bị đất trồng Chương 3: Máy bón phân và máy phun thuốc phòng trừ sâu bệnh Chương 4: Máy cắt cỏ, máy cưa cây, máy tĩa cây Chương 5: Máy bơm nước Chương 6: Các loại xe vận chuyển và xe nâng Chương 7: Các công cụ làm vườn Chương 8: Kỹ thuật làm vườn	Khoa Nông nghiệp
80	NN522	Dinh dưỡng hoa và cây cảnh	2	Môn học “Dinh dưỡng hoa và cây cảnh” là một trong những môn học cần thiết cho sinh viên các ngành học liên quan đến cây trồng. Giúp sinh viên hiểu vai trò của dinh dưỡng khoáng trên hoa và cây cảnh, quản lý phân bón và bón phân hợp lý, một số loại phân bón và giá thể để trồng hoa và cây cảnh. Đề cương được biên soạn và giảng dạy theo 2 tín chỉ: gồm có 6 chương lý thuyết (20 tiết lý thuyết), và 4 bài thực hành (20 tiết thực hành).	Khoa Nông nghiệp
81	NN450	Hệ thống tưới tiêu	2	Môn học “Hệ thống tưới tiêu” là một trong những môn học cần thiết cho sinh viên các ngành học liên quan đến đất - cây trồng, đôi khi cho cả những ngành có liên quan đến thủy lợi. Đề cương được biên soạn và giảng dạy theo 2 tín chỉ: gồm có 6 chương lý thuyết (20 tiết lý thuyết), và 4 bài thực hành (20 tiết thực hành).	Khoa Nông nghiệp

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số Tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
82	NS267	Phương pháp thủy canh	2	Phương pháp thủy canh đề cập đến những vấn đề canh tác cây trồng theo hướng hiện đại, không giống như canh tác nông nghiệp truyền thống, canh tác theo kiểu thủy canh có nhiều yếu tố được kiểm soát, trong đó yếu tố dinh dưỡng được chú ý nhiều nhất. Đề cương được biên soạn và giảng dạy theo 2 tín chỉ: gồm có 5 chương lý thuyết (20 tiết lý thuyết), và 4 bài thực hành (20 tiết thực hành)	Khoa Nông nghiệp
83	NN473	Quản lý dịch hại rau hoa quả	2	Vai trò của môn học trong sản xuất nông nghiệp. Tầm quan trọng của dịch hại cây trồng. Tác động của thuốc bảo vệ thực vật đến hệ sinh thái đồng ruộng. Các nguyên tắc cơ bản của quản lý dịch hại trong sản xuất nông nghiệp. Sự cân bằng sinh học và nguyên nhân bộc phát dịch hại. Các biện pháp phòng trừ dịch hại không sử dụng hóa chất và vai trò thiên địch tự nhiên trong hệ sinh thái nông nghiệp. Các mô hình quản lý dịch hại theo hướng an toàn, bền vững, hiệu quả.	Khoa Nông nghiệp
84	NN567	Kỹ thuật cắm hoa và trình bày mâm trái cây	2	Môn học gồm hai nội dung là lý thuyết và thực hành. Lý thuyết gồm có 8 chương, bao gồm: Chương 1. Nói về các loại hình cắm hoa; Chương 2. Nói về dụng cụ và nguyên liệu cắm hoa; Chương 3. Nói về các nguyên tắc cơ bản của cắm hoa; Chương 4. Nói về Kỹ thuật cắm hoa; Chương 5. Giới thiệu về ý nghĩa của các loại trái cây và cách chọn lựa trái cây; Chương 6: Ý nghĩa của mâm ngũ quả và cách sắp xếp theo vùng miền; Chương 7: Giới thiệu và hướng dẫn các mẫu sắp xếp giỏ trái cây dạng đơn và kết hợp; Chương 8: Nghệ thuật cắt tỉa, sắp xếp và trang trí đĩa trái cây.	Khoa Nông nghiệp
85	TS310	Kỹ thuật nuôi cá cảnh và thủy đặc sản	2	Môn học sẽ giúp cho người học nội dung bao gồm (1) cách thiết kế và trang trí bể nuôi cá cảnh nước ngọt và nước mặn (2) hiểu biết thức ăn tự nhiên và thức ăn lên màu (3) nắm đặc điểm sinh học, sinh sản và kỹ thuật nuôi một số loài thủy đặc sản và cá cảnh phổ biến.	Khoa Thủy sản
86	NN193	Kỹ thuật Bonsai	2	Môn học Kỹ thuật Bonsai là môn học giúp sinh viên trang bị kiến thức về nguồn gốc của nghệ thuật Bonsai. Biết phân loại các dáng thế khác nhau của Bonsai. Từ đó, áp dụng các kỹ thuật vô chậu, cắt tỉa, uốn sửa để tạo dáng Bonsai. Đồng thời, sinh viên cũng biết sử dụng đúng các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và nắm vững cách chăm sóc cho cây Bonsai được phát triển tốt. Môn học gồm có 8 chương: Chương 1. Đại cương về Bonsai Chương 2. Hình thái và cấu tạo cây Bonsai Chương 3. Phân loại và quy ước thẩm mỹ trong nghệ thuật Bonsai Chương 4. Kỹ thuật cắt tỉa cây Bonsai Chương 5. Kỹ thuật uốn nắn cây Bonsai Chương 6. Kỹ thuật lão hóa cây Bonsai Chương 7. Nguồn cung cấp Bonsai Chương 8. Kỹ thuật chăm sóc cây Bonsai	Khoa Nông nghiệp
87	KT360	Quản trị sản xuất	3	Sản xuất là một hoạt động luôn biến đổi một cách nhanh chóng nhằm ngày càng đáp ứng nhiều hơn nhu cầu rất đa dạng của thị trường. Sự thay đổi các công nghệ sản xuất, việc áp dụng những thành tựu của công nghệ thông tin, thành tựu của cơ khí hóa, tự động hóa đã ảnh hưởng rất lớn đến phương cách quản lý các doanh nghiệp sản xuất. Các doanh nghiệp	Khoa Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số Tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				cũng cần phải dự báo, tính toán lựa chọn địa điểm, bố trí mặt bằng, mua sắm vật tư, kiểm tra kiểm soát tồn kho, lập lịch tiến độ sản xuất,...bắt kể doanh nghiệp sản xuất ra những sản phẩm đơn giản hay phức tạp. Học phần này sẽ cung cấp một số kiến thức để sinh viên nắm vững những vấn đề cơ bản trên và những tình huống cụ thể phải giải quyết trong quá trình quản trị sản xuất.	
88	NS369	Kỹ thuật trồng hoa lan	2	Trang bị lý thuyết cơ bản cần biết về hoa lan, từ hình thái giải phẫu sinh lý, đặc điểm nhận dạng từng loài, phân biệt các giống hoa lan, đến kỹ thuật trồng chăm sóc cũng như thưởng ngoạn vẻ đẹp của hoa lan.	Khoa Nông nghiệp
89	NN460	Kỹ thuật trang trí nội thất	2	Môn học Kỹ thuật trang trí nội thất là môn học cung cấp kiến thức cơ bản cần thiết về kỹ thuật phối kết màu sắc, bày trí cây cảnh và vật liệu trong trang trí nội thất, kỹ thuật chăm sóc cây nội thất. Môn học gồm có 8 chương: Chương 1. Cây chịu bóng và cây ưa sáng. Chương 2. Ánh sáng và cây nội thất. Chương 3. Kỹ thuật chăm sóc cây nội thất. Chương 4. Những loài cây chịu bóng được sử dụng nhiều tại Việt Nam. Chương 5. Kết hợp màu sắc giữa nội thất & cây xanh. Chương 6. Các vật liệu trang trí nội thất. Chương 7. Nghệ thuật trồng cây nội thất. Chương 8. Một số mẫu vườn dành cho cảnh quan nội thất.	Khoa Nông nghiệp
90	NS509	Luận văn tốt nghiệp - RHQ	14	Luận văn tốt nghiệp (LVTN) vừa là cơ hội, đồng thời cũng là bước thử thách sinh viên khi thực hiện một nghiên cứu khoa học đầu đời, và có thể là khởi đầu cho một sự nghiệp nghiên cứu khoa học. Do đó, khi thực hiện LVTN đòi hỏi sinh viên phải biết vận dụng tổng hợp tất cả các môn học, các kiến thức đã tích lũy được để tổ chức thực hiện, theo dõi ghi nhận các chỉ tiêu, xử lý số liệu, phân tích, lên ý tưởng thiết kế và viết LVTN dưới sự tư vấn, hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên nên chọn đề tài, lĩnh vực hoặc đối tượng mà mình quan tâm hoặc có đam mê tìm hiểu sâu nhằm phát huy tối đa tiềm năng của cá nhân và kỳ vọng sẽ cho kết quả khả quan, có khả năng ứng dụng vào thực tiễn sản xuất. Kết quả của LVTN không chỉ là kết quả về số liệu khoa học mà còn thể hiện khả năng bao quát, tư duy tổng hợp và giải trình các kết quả khoa học đã đạt được của đề tài.	Khoa Nông nghiệp
91	NS433	Tiểu luận tốt nghiệp - RHQ	6	Học phần này giúp cho sinh viên đặt vấn đề, đưa ra mục tiêu mà thực tế gặp phải. Sau đó, sinh viên tự thu thập tài liệu. Ghi nguồn gốc tài liệu có liên quan đến mục tiêu đã đặt ra	Khoa Nông nghiệp
92	NN378	IPM trong bảo vệ thực vật	2	Lý thuyết: Các khái niệm cơ bản vận dụng trong IPM, sinh thái học và ứng dụng trong quản lý tổng hợp dịch hại, các nguyên lý, nội dung chính và các thành phần cơ bản của IPM, các biện pháp phòng trừ dịch hại và sự vận dụng theo quan điểm IPM. Một số mô hình IPM và kiến thức cần thiết để xây dựng mô hình IPM. Điều kiện áp dụng thành công và các phương pháp chuyển giao IPM trong cộng đồng. - Thực hành: Nhận dạng các đối tượng gây hại chính trên một số loại cây trồng canh tác phổ biến và biện pháp phòng trừ chúng trong IPM. Qua khảo sát thực tế trên đồng ruộng, điều	Khoa Nông nghiệp

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số Tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				tra nông dân, phân tích hệ sinh thái và xây dựng mô hình IPM.	
93	NN390	Thực hành nông nghiệp tốt (GAP)		<p>Những áp lực quốc tế và khu vực về thực phẩm an toàn và chất lượng để đảm bảo sức khỏe cộng đồng. Để tồn tại và phát triển, ngành rau quả Việt nam cần phải vượt qua những thách thức lớn ,về thực phẩm an toàn, chất lượng, số lượng lớn, tính đồng nhất cao, thời gian giao hàng đúng hạn và giá cả cạnh tranh. Điều này đòi hỏi Việt nam cần phải tổ chức lại sản xuất và quản lý tốt chuỗi cung ứng sản phẩm rau quả tươi từ khâu sản xuất (ngoài đồng ruộng), luân chuyển qua trung gian người vận chuyển, thương lái, người bán sỉ, người bán lẻ, đến tay người tiêu dùng (bàn ăn); càng giảm trung gian càng dễ quản lý và càng tăng lợi nhuận cho người sản xuất.</p> <p>Quy trình thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu (GlobalGAP), khu vực Châu Á (ASEANGAP) và Việt Nam (VietGAP) đối với sản xuất rau, quả tươi là những nguyên tắc thực hành sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản nhằm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ sức khỏe người sản xuất, người tiêu dùng, bảo vệ môi trường và có khả năng truy nguyên nguồn gốc sản xuất, ngày càng được nhiều nước trên thế giới áp dụng. GÁP mang lại nhiều lợi ích, là quy trình sản xuất noongnghieepj bền vững, phát huy hiệu quả sự liên kết 4 nhà (nhà nông, nhà nước, nhà khoa học và nhà doanh nghiệp), có khả năng ngăn ngừa những mối nguy hiểm ẩn trong rau quả tươi ảnh hưởng đến sức khoaer nhân loại, làm tăng niềm tin đối với người tiêu dùng và là phương pháp thành tốt nhất để tiêu thụ sản phẩm của nhà nông. Tuy nhiên, để thực hiện thành công GAPs cần tìm hiểu những trở ngại và đề ra những giải pháp thích hợp để giúp cho hàng nông sản nước ta có thể tồn tại ở thị trường trong nước và có chỗ đứng ở thị trường nước ngoài.</p>	Khoa Nông nghiệp
94	NN245	Hệ thống thông tin địa lý - GIS	2	Trang bị cho các em các kiến thức về thành phần, các chức năng của một hệ thống thông tin địa lý (GIS), kỹ năng về xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu địa lý, các chức năng phân tích dữ liệu không gian cũng như phi không gian, quá trình xây dựng và biên tập bản đồ chuyên đề trên một phần mềm GIS phổ dụng, đồng thời giới thiệu một số ứng dụng của hệ thống thông tin địa lý trong quản lý Môi trường & TNTN, quản lý đất đai.	Khoa Môi trường & TNTN
95	NN381	Nấm ăn	2	Môn học này sinh viên hiểu được về đặc điểm của nấm rom, nấm bào ngư và nấm mèo cũng như yêu cầu về điều kiện ngoại cảnh cho nấm phát triển. Sinh viên sẽ nắm được các yêu cầu cần thiết cho việc sản xuất meo giống, kỹ thuật sản xuất ươm trong điều kiện ngoài trời cũng như sản xuất trong nhà.	Khoa Nông nghiệp
96	NN514	Sản xuất cây trồng sạch	2	Môn học giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về khái niệm cũng như những nguyên tắc sản xuất cây trồng sạch trong hệ thống Nông nghiệp. Sinh viên không chỉ hiểu biết về nguyên nhân ảnh hưởng mà còn nắm vững các nguyên lý trong sản xuất cây trồng sạch. Sinh viên nắm vững kỹ thuật canh tác, các biện pháp quản lý về giống, đất, nước, phân bón, sâu bệnh hại và thiên địch đối với sản xuất cây trồng sạch, thị trường cho sản phẩm sạch. Ngoài ra sinh viên thực hiện các	Khoa Nông nghiệp

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số Tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				thao tác chọn giống, xử lý đất, giá thể ,trồng, phân bón, phòng trừ sinh học, thu hoạch, xử lý sau thu hoạch trong ksản xuất cây trồng sạch thông qua các bài thực hành. Qua đó, sinh viên vận dụng được những kiến thức đã học để xây dựng một số quý trình sản xuất cây trồng sạch theo hướng an toàn cho sức khỏe người tiêu dùng.	
97	NS298	Xử lý ra hoa cây cảnh	2	Chưa có đề cương	Khoa Nông nghiệp
98	MT308	Quản lý và đánh giá tác động môi trường	2	Học phần môn Đánh giá tác động môi trường bao gồm 03 phần chính như sau: Phần 1: Cơ sở khoa học của việc đánh giá tác động môi trường: phần này sẽ giới thiệu cho sinh viên các khái niệm về môi trường, phát triển bền vững và đánh giá tác động môi trường. Bản chất của hệ môi trường, nguyên lý đánh giá tác động môi trường. Phần 2: Nội dung quản lý môi trường môi trường: phần này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức về về quản lý môi trường, cơ sở pháp luật và những hoạt động hiện nay của nhà nước về việc quản lý môi trường. Phần 3: Phương pháp đánh giá tác động môi trường: phần này sẽ giới thiệu cho sinh viên các dạng dự án, phương pháp viết báo cáo đánh giá tác động môi trường, các quy định cũng như thủ tục xin thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	Khoa Môi trường & TNTN

Đề cương chi tiết các học phần được đính kèm ở phần Phụ lục.

5. Phương pháp giảng dạy và học tập

- Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức của người học. Tùy thuộc vào đặc trưng của từng học phần mà giảng viên sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học phù hợp. Đối với hình thức tổ chức dạy học có thể gồm những hình thức như: dạy trực tiếp trên lớp học hay ngoài cộng đồng như thực tập cơ sở (học tại những cơ sở sản xuất, kinh doanh, nông trại,...) hoặc dạy học trực tuyến. Đối với phương pháp dạy và học, giảng viên có thể sử dụng một hoặc kết hợp nhiều phương pháp dạy học như: phương pháp quan sát, phương pháp trải nghiệm thực tế như thực tập giáo trình (tham quan các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nông trại,...), phương pháp học qua dự án, phương pháp nghiên cứu trường hợp, phương pháp dạy học tình huống, phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp thuyết trình, phương pháp tra cứu, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp diễn giảng, đàm thoại gợi mở, thực hành, trò chơi, tự học độc lập,...

6. Phương pháp đánh giá

- Phương pháp đánh giá lựa chọn phù hợp với nội dung học phần và phù hợp với phương pháp dạy, học và đảm bảo đo được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Giảng viên thường sử dụng hình thức đánh giá thường xuyên (đánh giá liên tục trong suốt tiến trình đào tạo) và đánh giá tổng hợp (đánh giá giữa học kỳ và đánh giá cuối học kỳ). Các phương pháp đánh giá có thể thực hiện trực tiếp và gián tiếp thông qua: trắc nghiệm, tự luận, bài kiểm tra ngắn, câu trả lời ngắn, ý kiến thảo luận, sản phẩm của nhóm, bài thuyết trình, hình vẽ, sơ đồ, bài viết, nhật ký học tập, kiểm tra thực hành, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, vấn đáp, báo cáo, luận văn tốt nghiệp,...

- Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA



Lê Văn Vàng

Cần Thơ, ngày 25 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG BỘ MÔN

Lê Văn Bé

PHỤ LỤC
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN